

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẢO THẮNG
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/DS-ST

Ngày 27-9-2022

Về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO THẮNG - TỈNH LÀO CAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hoàng Liên.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Thu Hương

2. Ông Lương Tuất Mạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 23/2022/TLST-DS ngày 23 tháng 6 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2022/QĐXXST-DS ngày 23 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 59/2022/QĐST-DS ngày 09/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Minh C – Sinh năm : 1978.

Địa chỉ: Thôn N, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai - Có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Cơ T - Sinh năm: 1968 và bà Trần Thị T – Sinh năm: 1978.

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai – Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 20/6/2022 và bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn trình bày:

Ông có nhập thức ăn chăn nuôi gia súc về bán cho các gia đình tại địa phương để chăn nuôi. Do gia đình có con nhỏ nên vợ ông thường xuyên phải chăm con, chỉ có ông là người trực tiếp thực hiện việc bán hàng cho các gia đình tại địa phương. Thời điểm từ tháng 6/2018 đến tháng 4/2020 thì vợ chồng ông Trần Cơ T, bà Trần Thị T có mua thức ăn chăn nuôi gia súc của gia đình ông C nhiều lần, mỗi lần mua đều ghi vào sổ tay có chữ ký của ông T, bà T vào sổ này

và do ông C giữ. Việc mua thức ăn gia súc nhằm mục đích để ông T và bà C chăn nuôi tại gia đình. Ngày 07/4/2020, ông T có chốt nợ với ông C số tiền mua thức ăn gia súc còn nợ là 237.990.000 đồng, lãi suất thỏa thuận là 2%/tháng tính từ ngày chốt công nợ, cùng ngày 07/4/2020 thì ông T đã ký biên bản chốt công nợ xác nhận còn nợ ông C số tiền trên. Sau đó ông T và bà T đã trả cho ông C số tiền 30.000.000 đồng. Đến nay ông T và bà T còn nợ ông C số tiền 207.990.000 đồng.

Ông C đã nhiều lần yêu cầu nhưng ông T và bà T không trả, vì vậy ông C đề nghị Tòa án giải quyết buộc ông T và bà T phải trả cho ông C số tiền gốc còn nợ là 207.990.000 đồng; Đối với khoản tiền lãi, mặc dù trong biên bản chốt công nợ ghi lãi suất là 2%/tháng, tuy nhiên đến nay ông C chỉ yêu cầu tính lãi theo quy định của pháp luật là 20%/năm. Tiền lãi tính từ 07/4/2020 đến 27/9/2022 là 102.912.312 đồng nhưng C chỉ lấy tròn 100.000.000 đồng, số còn lại là 2.912.312 đồng thì ông không yêu cầu bị đơn phải trả. Tổng cộng tiền gốc và tiền lãi ông C yêu cầu bị đơn phải trả là 307.990.000 đồng.

Do bị đơn vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định và nhấn tin trên phương tiện thông tin đại chúng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ nhưng không hòa giải được vụ án vì vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bảo Thắng phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục tố tụng dân sự, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định. Nguyên đơn chấp hành tốt các định của pháp luật của khi tham gia tố tụng; Bị đơn vắng mặt tại địa phương, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng và nhấn tin thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định.

Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, xác định ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T có mua thức ăn gia súc của ông C để chăn nuôi tại gia đình. Tại biên bản chốt công nợ ngày 07/4/2020, ông Trần Cơ T ký nhận nợ số tiền 237.990.000 đồng, sau đó đã trả 30.000.000 đồng còn 207.990.000 đồng. Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ. Việc ông T và bà T mua thức ăn gia súc để chăn nuôi tại gia đình nhằm mục đích chung nên cần buộc ông T và bà T có nghĩa vụ liên đới trả số tiền gốc còn nợ và tiền lãi cho ông Trần Minh C theo quy định.

Căn cứ Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 288, 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Minh C, buộc ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả tiền mua hàng còn nợ cho ông Trần Minh C là 207.990.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn là 100.000.000 đồng, tổng cộng là: 307.990.000 đồng, cụ thể: Ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T mỗi người phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc và tiền lãi là 153.995.000 đồng.

Về án phí: Ông T và bà T mỗi người phải chịu 7.699.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự trong vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T đảm bảo điều kiện theo quy định. Bị đơn có hộ khẩu tại xã X, huyện B, tỉnh Lào Cai. Vì vậy đây là tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thời hiệu khởi kiện:

Nguyên đơn khởi kiện bị đơn theo biên bản chốt công nợ là ngày 07/4/2020 và thời hạn thanh toán là ngày 20/4/2020 bên mua phải trả nợ cho bên bán. Tháng 06/2022, nguyên đơn khởi kiện bị đơn, đề nghị Tòa án giải quyết vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Vì vậy thời hiệu vẫn còn theo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[3] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xác định ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T có mua thức ăn gia súc của ông Trần Minh C nhằm mục đích chăn nuôi tại gia đình, không nhằm mục đích kinh doanh có lợi nhuận. Ông C bán thức ăn gia súc theo hình thức cá nhân tại gia đình. Sau thời điểm bán thức ăn gia súc cho ông T và bà T thì ông C mới đăng ký hộ kinh doanh cá thể (giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ghi ngày 19/7/2021).

Tại sổ viết tay do ông Trần Minh C cung cấp có ghi rất nhiều nội dung liên quan đến việc chốt công nợ mua bán thức ăn gia súc giữa ông C và ông Trần Cơ T, bà Trần Thị T từ tháng 6/2018 đến 7/4/2020, có chữ ký của ông T, bà T. Tại biên bản chốt công nợ ngày 07/4/2020 có nội dung “bên bán: ông Trần Minh C, bên mua Trần Cơ T – Trần Thị T; Địa chỉ: Thôn Thái Vô, xã Xuân Quang, huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, hai bên chốt công nợ tính đến ngày 07/4/2020, bên mua còn nợ bên bán số tiền 237.990.000đồng, hẹn đến 20/4/2020 sẽ thanh toán đầy đủ, lãi suất 2%/tháng, phía cuối có chữ ký Trần Cơ T”. Các tài liệu do nguyên đơn cung cấp đều là bản gốc, phù hợp với nội dung trình bày trong đơn khởi kiện. Vì vậy nguyên đơn khởi kiện bị đơn về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, đề nghị Tòa án giải quyết buộc bị đơn phải trả khoản tiền gốc và tiền lãi như trên là có căn cứ. Do bị đơn mua thức ăn gia súc về chăn nuôi nhằm mục đích chung là phục vụ đời sống gia đình nên cần buộc ông T, bà T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi theo quy định.

Vợ ông C cũng có đơn gửi Tòa án xác nhận việc bà có con nhỏ, thường xuyên phải chăm con nên việc mua bán thức ăn gia súc do ông C thực hiện, bà không liên quan. Bà đề nghị Tòa án giải quyết theo yêu cầu của ông Trần Minh C, bà không có ý kiến gì khác.

Quá trình giải quyết vụ án, do bị đơn vắng mặt tại địa phương nên Tòa án đã xác minh, niêm yết các văn bản tố tụng và thực hiện nhắn tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định. Tuy nhiên ông T và bà T vẫn

vắng mặt không đến Toà án làm việc và không có văn bản trả lời ý kiến. Ngày 20/7/2022, Toà án nhận được văn bản của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai về việc ông Trần Cơ T, bà Trần Thị T ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất của ông T, bà T cho bà Vũ Thị Thảo. Hơn nữa ông Trần Minh C cũng có đơn đề nghị các cơ quan có thẩm quyền tạm dừng các giao dịch liên quan đến quyền sử dụng đất và tài sản của ông Trần Cơ T, bà Trần Thị T do ông C đang khởi kiện vụ án tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản tại Toà án.

Như vậy ông T và bà T vẫn có mặt tại địa phương và thực hiện các giao dịch liên quan nhưng cố tình trốn tránh không đến Toà án làm việc.

Toà án đã lập biên bản giải thích cho ông C về quyền được đề nghị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên ông C đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật mà không đề nghị Toà án áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời.

[4] Về nợ gốc và tiền lãi suất:

Về nợ gốc: Xác nhận ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T còn nợ tiền thức ăn gia súc của ông Trần Minh C số tiền gốc là 207.990.000 đồng.

Về tiền lãi: Mức lãi suất tính theo quy định không vượt quá 20%/năm (từ 07/4/2020 đến 27/9/2022), tính trên nợ gốc là 207.990.000 đồng = 102.912.312 đồng.

Tuy nhiên nguyên đơn chỉ yêu cầu Toà án giải quyết buộc bị đơn trả số tiền lãi là 100.000.000 đồng, do mức lãi suất yêu cầu không vượt quá quy định nên cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp.

Vì vậy cần buộc ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T phải liên đới trả khoản tiền mua thức ăn gia súc còn nợ và tiền lãi theo yêu cầu của nguyên đơn là: 207.990.000 đồng + 100.000.000 đồng = 307.990.000 đồng; Ông T và bà T mỗi người phải thanh toán cho ông C tiền mua hàng còn nợ cho ông C là 103.995.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng, tổng mỗi người phải trả là 153.995.000 đồng.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T mỗi người phải chịu phải chịu 7.699.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Trần Minh C không phải chịu tiền án phí và được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Về chi phí tố tụng : Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã nộp chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định; Tuy nhiên đã có tự nguyện chịu toàn bộ tiền chi phí nhấn tin tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 288, 357, 429, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

1. Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là ông Trần Minh C.

2. Buộc ông Trần Cơ T và bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Trần Minh C số tiền mua hàng còn nợ là 207.990.000 đồng và tiền lãi tính đến ngày 27/9/2022 theo yêu cầu của nguyên đơn là 100.000.000 đồng, tổng cộng là: 307.990.000 đồng, cụ thể:

Ông Trần Cơ T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh C số tiền mua hàng còn nợ là 103.995.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 153.995.000 đồng.

Bà Trần Thị T phải có nghĩa vụ trả cho ông Trần Minh C số tiền mua hàng còn nợ là 103.995.000 đồng và tiền lãi là 50.000.000 đồng, tổng cộng là 153.995.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Ông Cơ T và bà Trần Thị T mỗi người phải chịu 7.699.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Trần Minh C không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.478.900 đồng theo biên lai số 0002979 ngày 23/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Lào Cai;
- VKSND huyện Bảo Thắng (2);
- THADS huyện Bảo Thắng;
- Dương sự (02);
- Lưu hồ sơ, văn phòng, TQĐ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hoàng Liên

Nơi nhận:

- TAND; VKSND tỉnh;
- VKSND huyện BT;
- THADS huyện BT;
- UBND xã Trì Quang;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Dương sự (02);
- Lưu HS, TA, VP .

Nguyễn Thị Hoàng Liên